

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Đáp ứng của nhà thầu về yêu cầu kỹ thuật của toàn bộ hàng hóa chào thầu phải đầy đủ, bằng hoặc tốt hơn yêu cầu của E-HSMT và phải có đủ tài liệu chứng minh như yêu cầu, nếu không đáp ứng đầy đủ và/hoặc đáp ứng kém hơn, không đủ tài liệu chứng minh như yêu cầu thì E-HSMT của Nhà thầu sẽ bị loại.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

#### 1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

1.1.1 Tên gói thầu: Cung cấp đồng phục công sở, bảo hộ lao động Công ty Điện lực Sơn La năm 2026.

1.1.2 Tên dự toán: Mua sắm đồng phục công sở, bảo hộ lao động Công ty Điện lực Sơn La năm 2026.

1.1.3 Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày

1.1.4 Quy mô và địa điểm: Cung cấp hàng hóa với danh mục và số lượng chi tiết như sau:

##### 1.1.4.1 Quy mô

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng
1	Quần áo BHLĐ vận hành nam	Bộ	1.786
2	Quần áo BHLĐ vận hành nữ	Bộ	350
3	Quần áo BHLĐ nam, kiểm tra hiện trường, sự kiện	Bộ	165
4	Quần áo BHLĐ nữ, kiểm tra hiện trường, sự kiện	Bộ	14
5	Quần áo BHLĐ nam, Hotline	Bộ	68
6	Áo Jacket nam	Cái	513
7	Áo Jacket nữ	Cái	116
8	Áo Gile Nam	Cái	16
9	Áo Jacket Hotline nam	Cái	17
10	Áo bạt đi mưa	Bộ	616
11	Giày vải BHLĐ	Đôi	1.783
12	Dép rọ quai hậu	Đôi	627
13	Găng tay vải	Đôi	1.254
14	Găng tay chống cắt	Đôi	3.054
15	Kính BHLĐ (kính số 0)	Cái	545
16	Vành mũ bảo hộ che nắng	Cái	545
17	Ủng cao su chống trơn trượt	Đôi	19

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng
18	Quần áo BHLĐ mùa hè (ĐNT)	Bộ	117
19	Áo Jacket nam (ĐNT)	Cái	117
20	Quần bảo vệ	Cái	12
21	Áo bảo vệ dài tay	Cái	6
22	Áo bảo vệ ngắn tay	Cái	6
23	Áo ấm	Cái	6
24	Giày da đen	Đôi	6
25	Áo sơ mi ngắn tay nam	Cái	340
26	Áo sơ mi dài tay nam	Cái	340
27	Quần âu nam	Cái	340
28	Áo sơ mi ngắn tay nữ	Cái	154
29	Áo sơ mi dài tay nữ	Cái	154
30	Quần âu nữ/ Chân váy	Cái	154
31	Áo phông nữ (Xanh/Cam)	Cái	2
32	Áo phông nam (Xanh/Cam)	Cái	44
33	Cà vạt	Cái	247

#### 1.1.4.2 Địa điểm thực hiện

TT	Đơn vị	Địa chỉ
1	Cơ quan Công ty Điện lực Sơn La	Số 160, đường 3/2, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La
2	Điện lực Tô Hiệu	Đường Võ Nguyên Giáp, bản Coóng Nội, Phường Chiềng Cơi
3	Điện lực Mai Sơn – Yên Châu	Tiểu khu 4, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La
4	Điện lực Mộc Châu -Vân Hồ	Đường Tô Hiệu, tổ dân phố 4, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La
5	Điện lực Phù Yên – Bắc Yên	Tiểu khu 4, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La
6	Điện lực Sông Mã – Sốp Cộp	Tổ dân phố 3, xã Sông Mã, tỉnh Sơn La
7	Điện lực Mường La	Tiểu khu 3, xã Mường La, tỉnh Sơn La
8	Điện lực Thuận Châu – Quỳnh Nhai	Tiểu khu 3, xã Thuận Châu, tỉnh Sơn La
9	Xí nghiệp 110kV	Tổ 3, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La

#### 1.1.5 Mô tả công việc gói thầu

(Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan Cam kết được ký trực tiếp, đóng dấu xác nhận bởi đại diện hợp pháp của nhà thầu và gửi bản chính khi đối chiếu E-HSDT) đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

**1.1.5.1 Trang phục bảo hộ lao động (gồm các STT: 1, 2, 3, 4, 5)**

- Nhà thầu cung cấp hàng mẫu (01 mẫu/hàng hóa), trình Chủ đầu tư xem xét phê duyệt trước khi tổ chức gia công.
- Nhà thầu tiếp nhận số lượng, size từ Chủ đầu tư và tổ chức gia công may mặc đảm bảo đúng tiến độ, quy cách theo VB 3638/EVNNPC-AT ngày 09/07/2021 và đúng quy định của E-HSMT.

**1.1.5.2 Trang phục văn phòng (gồm các STT: 17, 18, 19, 20)**

- Nhà thầu thực hiện lấy số đo từng CBCNV được duyệt do Chủ đầu tư cấp theo địa điểm thuộc mục 1.1.4.2 của E-HSMT.
- Gia công hàng mẫu (01 mẫu/hàng hóa), trình bên mời thầu xem xét phê duyệt trước khi gia công.
- Nhà thầu gia công may mặc toàn bộ hàng hóa đảm bảo đúng tiến độ, quy cách đúng quy định theo VB 2939/EVN-PC ngày 28/05/2021 và E-HSMT.
- Nhà thầu tuyệt đối không được cách điệu kiểu dáng thiết kế, bổ sung chi tiết, thay đổi chất liệu vải, màu sắc và kết cấu sản phẩm.
- Thời gian lấy số đo tại mỗi địa điểm sẽ được thực hiện 1 lần trong thời gian liên tục cho đến khi hoàn thành. Chủ đầu tư có trách nhiệm bố trí, sắp xếp lịch công tác của cán bộ công nhân viên để đảm bảo quá trình lấy số đo không bị gián đoạn. Trường hợp vì lý do khách quan, những cán bộ công nhân viên không có mặt để Nhà thầu thực hiện lấy số đo thì các cán bộ công nhân viên đó tự lấy số đo và Chủ đầu tư gửi đến Nhà thầu bằng văn bản.

**1.1.5.3 Hàng hóa khác (giày, dép, ủng, áo phong...)(Gồm các STT 6,7,8,13,21)**

- Nhà thầu trúng thầu cung cấp hàng mẫu (mỗi size 1 mẫu/hàng hóa) đến Trụ sở Công ty (số 160, đường 3/2, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La) để CBCNV thử và lựa chọn size phù hợp trước khi cung cấp.
- Nhà thầu cung cấp bàn giao hàng hóa đảm bảo tiến độ, quy cách.

**1.1.5.4 Yêu cầu đóng gói và vận chuyển**

- Quần áo Bảo hộ lao động của mỗi cá nhân (bao gồm cả áo Jacket, áo Gile và phụ kiện nếu có) được đóng riêng vào 1 túi nilon (có ghi tên của cán bộ công nhân viên và tên đơn vị công tác bên ngoài túi) sắp xếp từng theo từng đơn vị;
- Đối với giày, dép: Phân loại cỡ số size, đóng riêng mỗi loại cỡ vào 1 bao tải hoặc thùng catton (tránh để lẫn lộn, sẽ khó khi thực hiện kiểm đếm, nghiệm thu, cấp phát).
- Đối với quần áo Bảo hộ điện nông thôn: Đóng đủ số lượng của mỗi đơn vị vào riêng từng thùng (tránh để lẫn lộn đơn vị này với đơn vị khác, sẽ khó khi thực hiện kiểm đếm, nghiệm thu, cấp phát).

- Hàng hóa phải được vận chuyển đến các đơn vị trực thuộc Công ty Điện lực Sơn La bằng phương tiện có mái che đảm bảo khô ráo, sạch sẽ. Nhà thầu bố trí nhân sự dỡ hàng, phát trực tiếp đến CBCNV của Công ty và trực tiếp ghi nhận phản ánh của NLĐ, sửa chữa nếu có sai sót.

## **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

### **1.2.1. Yêu cầu về giao hàng**

Nhà thầu phải có bản Cam kết về giao hàng (*Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan Cam kết được ký trực tiếp, đóng dấu xác nhận bởi đại diện hợp pháp của nhà thầu và gửi bản chính khi đối chiếu E-HSDT*) đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

- Số lần giao hàng: Giao hàng 01 lần duy nhất.
- Địa điểm giao hàng: Tại Công ty Điện lực Sơn La và các đơn vị trực thuộc (mục 1.1.4.2), chi tiết số lượng cụ thể thống nhất sau khi trao hợp đồng.
- Vận chuyển, bốc xếp, lắp đặt, chuyển giao cho bên mời thầu: Nhà thầu thực hiện, bằng chi phí của nhà thầu.

### **1.2.2. Yêu cầu về bảo hành**

Nhà thầu phải có bản Cam kết về bảo hành hàng hóa (*Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan Cam kết được ký trực tiếp, đóng dấu xác nhận bởi đại diện hợp pháp của nhà thầu và gửi bản chính khi đối chiếu E-HSDT*) đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

- Thời hạn bảo hành hàng hóa: Tối thiểu 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu đưa hàng hóa vào vận hành nhưng không quá 24 tháng kể từ ngày giao hàng cuối cùng, tùy theo điều kiện nào đến trước.
- Phương thức bảo hành: Một đổi một trong suốt thời gian thực hiện bảo hành.
- Thực hiện bảo đảm bảo hành với giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng, bảo đảm do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hợp pháp tại Việt Nam phát hành, là loại bảo đảm không có điều kiện và không hủy ngang, được ký phát hành trong phạm vi 15 ngày kể từ ngày hai bên ký các biên bản nghiệm thu, biên bản giao nhận hàng hóa.
- Thời gian để thực hiện cấp đổi hàng hóa bảo hành: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo của Bên mời thầu.
- Toàn bộ các chi phí liên quan đến việc bảo hành hàng hóa do nhà thầu chịu.
- Địa điểm nhận đổi, trả hàng hóa bảo hành: Tại kho Công ty Điện lực Sơn La (số 160, đường 3-2, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La).

### **1.2.3. Yêu cầu về kết quả thực hiện hợp đồng**

Nhà thầu (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh) phải có bản cam kết uy tín của nhà thầu theo Luật Đấu thầu 2023, và Khoản 1 Điều 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP. Uy tín của nhà thầu là khi bị đánh giá về uy tín nếu rơi vào một trong các trường hợp sau: (*Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan Cam kết được*

*ký trực tiếp, đóng dấu xác nhận bởi đại diện hợp pháp của nhà thầu và gửi bản chính khi đối chiếu E-HSDT)*

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản đối chiếu tài liệu trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời đối chiếu tài liệu;

Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc đã tiến hành nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 45 của Nghị định này;

Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định này;

Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng;

Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

Nhà thầu không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không nộp tiền mặt, séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;

Nhà thầu từ chối hoặc không xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư mời nhà thầu xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc đã trúng thầu nhưng không thực hiện theo cam kết trong đơn dự thầu đối với chào giá trực tuyến rút gọn.

#### **1.2.4. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể**

Nhà thầu phải có bản mô tả (*Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan Mô tả được ký trực tiếp, đóng dấu xác nhận bởi đại diện hợp pháp của nhà thầu và gửi bản chính khi đối chiếu E-HSDT*) đầy đủ thông số kỹ thuật chi tiết của từng loại hàng hóa theo các yêu cầu được nêu dưới đây.

Mỗi loại hàng hóa nhà thầu chỉ được chào một (01) phương án về kỹ thuật (một mã hiệu hàng hóa, một nhà sản xuất, một nước sản xuất), nếu nhà thầu chào hơn một phương án, E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Hàng hóa phải đầy đủ số lượng, chủng loại, mới 100%, nguyên đai, nguyên kiện, không bị ảnh hưởng môi trường, do va chạm trong quá trình vận chuyển. Có chứng nhận sản xuất (CQ), xuất hàng hóa (CO), xuất xưởng sau khi giao giao hàng.

Để chứng minh các thông số kỹ thuật nhà thầu mô tả, nhà thầu phải gửi kèm E-HSDT tài liệu có liên quan.

##### **1.2.4.1. Quần áo BHLĐ vận hành nam/nữ (hàng hóa có STT là 1,2,18 thuộc**

phạm vi cung cấp)

**1.2.4.1.1. Tiêu chuẩn vải may**

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung</b>				
1	Màu sắc vải chính		Màu cam, bảng màu C0 M60 Y100 K0 (Pantone 17-1349 TCX/71 6 CP)		
2	Biên bản thử nghiệm điển hình Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử nghiệm mẫu vải phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử nghiệm là cùng loại (cùng ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ) với loại vải chào thầu.		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính hoặc bản sao chứng thực khi đối chiếu E-HSDT		
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết</b>				
1	Kiểu dệt		Vân chéo 2/2	/	TCVN 4897: 1989
2	Chỉ số sợi tách từ vải				
2.1	Dọc	Ne	40/2	$\pm 2$	TCVN 5095: 1990
2.2	Ngang	Ne	40/2	$\pm 2$	TCVN 5095: 1990
3	Thành phần nguyên liệu	%	Bông 100%	/	ISO/TR 11827: 2012
4	Khối lượng thực tế	g/m2	225	$\pm 5$	TCVN 8042:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
					2009
5	Độ bền kéo đứt (băng vải 50 x 200mm)				
5.1	Dọc	N	$\geq 1000$	/	TCVN 1754: 1986
5.2	Ngang	N	$\geq 500$	/	TCVN 1754: 1986
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 độ C				
6.1	Thay đổi màu	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2	Dây màu				
6.2.1	Diaxetat	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.2	Bông	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.3	Polyamit	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.4	Polyeste	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.5	Acrylic	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.6	Len	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
7	Độ bền ma sát				
7.1	Khô				
7.1.1	Dọc	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.1.2	Ngang	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.2	Ướt				
7.2.1	Dọc	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.2.2	Ngang	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
8	Độ bền màu mồ hôi (kiềm/axit)				
8.1	Thay đổi màu	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2	Dây màu				
8.2.1	Diaxetat	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.2	Bông	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.3	Polyamit	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
					E04: 2010
8.2.4	Polyeste	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.5	Acrylic	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.6	Len	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
9	Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72 giờ	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-B02:2007
10	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40 độ c				
10.1	Dọc	%	$[-2,0 \div 2,0]$	/	TCVN 8041: 2009
10.2	Ngang	%	$[-2,0 \div 2,0]$	/	TCVN 8041: 2009
11	Phân tích thuốc nhuộm sử dụng		Hoàn nguyên	/	Phương pháp công nghệ bóc màu chỉ định
12	Độ chịu kiềm (ngâm trong dung dịch NaOH 20% sau 8h tiếp xúc)		Không có dấu hiệu hư hỏng	/	TCVN 2604:1978
13	Độ lệch màu so với C0 M60 Y100 K0 (Pantone 17-1349 TCX/716 CP)	cấp	$\geq 4$	/	ISO 105-A02:1993
14	Độ mao dẫn theo phương thẳng đứng				
14.1	Tốc độ mao dẫn trong khoảng cách 20 mm				
	Dọc	mm/s	$\geq 0,10$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
	Ngang	mm/s	$\geq 0,10$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
14.2	Tốc độ mao dẫn trong thời gian 30 phút				
	Dọc	mm/s	$\geq 0,03$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
	Ngang	mm/s	$\geq 0,03$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
15	Độ thoát khí tại 20mm H2O	lít/m <sup>2</sup> .s	$\geq 80$	/	ISO 9237:1995



TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
16	Khả năng ngấm ướt	s	$\leq 30$	/	AATCC 79-2018
17	Hàm lượng Formaldehyt	mg/kg	K.p.h	/	TCVN 7421-1:2013
18	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo	mg/kg	K.p.h	/	TCVN 12512-1:2018
19	Khả năng bay hơi nước bề mặt	phút	$\leq 25$	/	Phương pháp nội bộ

#### 1.2.4.1.2. Yêu cầu về kiểu cách, kỹ thuật may, thông số kỹ thuật

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu chung về kỹ thuật
1	Nhà may/Đơn vị gia công may	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Mã hiệu (nếu có)	Nhà thầu ghi rõ
4	Chi tiết bảo hộ lao động	Đáp ứng yêu cầu tại file đính kèm “PL1. Kiểu cách, YCKT BHLĐ LĐTT.pdf”
4.1	Quần áo vận hành, kinh doanh, kiểm tra hiện trường Nam, Nữ	Trang 1 đến trang 16
4.2	Link đính kèm	<a href="https://drive.google.com/open?id=1_C8tUATkv8gkBurXD9XVknDqACQ56JXM&amp;usp=drive_fs">https://drive.google.com/open?id=1_C8tUATkv8gkBurXD9XVknDqACQ56JXM&amp;usp=drive_fs</a>
4.4	Yêu cầu nội dung	Quần áo Bảo hộ lao động của mỗi cá nhân tại vị trí cỡ size in thêm chữ "năm 2026"

#### 1.2.4.2. Quần áo BHLĐ nam/ nữ, kiểm tra hiện trường, sự kiện (hàng hóa có STT 3,4 thuộc phạm vi cung cấp)

##### 1.2.4.2.1. Tiêu chuẩn vải may

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung</b>				
1	Màu sắc vải chính		Màu cam, bảng màu C0 M60 Y100 K0 (Pantone 17-1349 TCX/716 CP)		
2	Biên bản thử nghiệm vải: Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính		

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
	17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử nghiệm mẫu phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử nghiệm là cùng loại (cùng ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ) với loại vải chào thầu.		hoặc bản sao chứng thực khi đối chiếu E-HSDT		
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết</b>				
1	Kiểu dệt		Vân chéo 2/2	/	TCVN 4897: 1989
2	Chỉ số sợi tách từ vải				
2.1	Dọc	Ne	45/2	± 2	TCVN 5095: 1990
2.2	Ngang	Ne	45/2	± 2	TCVN 5095: 1990
3	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste: 65% Bông: 35%	± 3	ISO/TR 11827: 2012
4	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	225	± 5	TCVN 8042: 2009
5	Độ bền kéo đứt (băng vải 50 x 200 mm)				
5.1	Dọc	N	≥ 1500	/	TCVN 1754: 1986
5.2	Ngang	N	≥ 750	/	TCVN 1754: 1986
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 độ C				
6.1	Thay đổi màu	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2	Dây màu				
6.2.1	Diaxetat	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.2	Bông	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.3	Polyamit	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.4	Polyeste	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
					C10: 2007
6.2.5	Acrylic	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.6	Len	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
7	Độ bền ma sát				
7.1	Khô				
7.1.1	Dọc	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.1.2	Ngang	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.2	Ướt				
7.2.1	Dọc	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.2.3	Ngang	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
8	Độ bền màu mồ hôi (kiềm/axit)				
8.1	Thay đổi màu	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2	Dây màu				
8.2.1	Diaxetat	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.2	Bông	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.3	Polyamit	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.4	Polyeste	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.5	Acrylic	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.6	Len	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
9	Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72 giờ	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-B02:2007
10	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40 độ c				
10.1	Dọc	%	$[-2,0 \div 2,0]$	/	TCVN 8041: 2009
10.2	Ngang	%	$[-2,0 \div 2,0]$	/	TCVN 8041: 2009
11	Phân tích thuốc nhuộm sử dụng		Phân tán/Hoàn nguyên	/	Phương pháp công nghệ bóc màu chỉ định

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
12	Độ chịu kiềm (ngâm trong dung dịch NaOH 20% sau 8h tiếp xúc)		Không có dấu hiệu hư hỏng	/	TCVN 2604:1978
13	Độ lệch màu so với C0 M60 Y100 K0 (Pantone 17-1349 TCX/716 CP)	cấp	$\geq 4$	/	ISO 105-A02:1993
14	Độ mao dẫn theo phương thẳng đứng				
14.1	Tốc độ mao dẫn trong khoảng cách 20 mm				
14.1.1	Dọc	mm/s	$\geq 0,03$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
14.1.2	Ngang	mm/s	$\geq 0,02$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
14.2	Tốc độ mao dẫn trong thời gian 30 phút				
14.2.1	Dọc	mm/s	$\geq 0,04$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
14.2.2	Ngang	mm/s	$\geq 0,04$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
15	Độ thoáng khí tại 20 mm H <sub>2</sub> O	lít/m <sup>2</sup> .s	$\geq 60$	/	ISO 9237:1995
16	Khả năng ngấm ướt	s	$\leq 25$	/	AATCC 79-2018
17	Hàm lượng Formaldehyt	mg/kg	K.p.h	/	TCVN 7421-1:2013
18	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo	mg/kg	K.p.h	/	TCVN 12512-1:2018
19	Khả năng bay hơi nước bề mặt	phút	$\leq 20$	/	Phương pháp nội bộ

#### 1.2.4.2.2. Yêu cầu về kiểu cách, kỹ thuật may, thông số kỹ thuật

ST T	Nội dung mô tả	Yêu cầu chung về kỹ thuật
5	Nhà may/Đơn vị gia công may	Nhà thầu ghi rõ
6	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
7	Mã hiệu (nếu có)	Nhà thầu ghi rõ
8	Chi tiết bảo hộ lao động	Đáp ứng yêu cầu tại file đính kèm “PL1. Kiểu cách, YCKT BHLĐ LĐTT.pdf”
4.1	Quần áo vận hành, kinh doanh, kiểm tra hiện trường Nam, Nữ	Trang 1 đến trang 16

<b>ST T</b>	<b>Nội dung mô tả</b>	<b>Yêu cầu chung về kỹ thuật</b>
4.2	Link đính kèm	<a href="https://drive.google.com/open?id=1_C8tUATkv8gkBurXD9XVkJNdqACQ56JXM&amp;usp=drive_fs">https://drive.google.com/open?id=1_C8tUATkv8gkBurXD9XVkJNdqACQ56JXM&amp;usp=drive_fs</a>
4.3	Yêu cầu nội dung	Quần áo Bảo hộ lao động của mỗi cá nhân tại vị trí cỡ size in thêm chữ "năm 2026"

**1.2.4.3. Yêu cầu tiêu chuẩn vải may quần áo BHLĐ Hotline (hàng hóa có STT là 5 thuộc phạm vi cung cấp)**

**1.2.4.3.1. Tiêu chuẩn vải may**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đvt</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Dung sai</b>	<b>Phương pháp thử</b>
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung</b>				
1	Màu sắc vải chính		Màu xanh lam, bảng màu C100 M85 Y0 K4 (Pantone 19-3952)		
2	Màu sắc vải phối		Màu cam, bảng màu C0 M60 Y100 K0 (Pantone 17-1349 TCX/716 CP)		
3	Biên bản thử nghiệm vải: Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử nghiệm mẫu phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính hoặc bản sao chứng thực khi đối chiếu E-HSDT		

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết</b>				
1	Kiểu dệt		Vân chéo 2/2	/	TCVN 4897: 1989
2	Chỉ số sợi tách từ vải				
2.1	Dọc	Ne	40/2	$\pm 2$	TCVN 5095: 1990
2.2	Ngang	Ne	40/2	$\pm 2$	TCVN 5095: 1990
3	Thành phần nguyên liệu	%	Bông 100%	/	ISO/TR 11827: 2012
4	Khối lượng thực tế	g/m <sup>2</sup>	225	$\pm 5$	TCVN 8042: 2009
5	Độ bền kéo đứt (băng vải 50 x 200mm)				
5.1	Dọc	N	$\geq 1000$	/	TCVN 1754: 1986
5.2	Ngang	N	$\geq 500$	/	TCVN 1754: 1986
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 độ C				
6.1	Thay đổi màu	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2	Dây màu				
6.2.1	Diaxetat	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.2	Bông	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.3	Polyamit	cấp	$\geq 4$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.4	Polyeste	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.5	Acrylic	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.6	Len	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
7	Độ bền ma sát				

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
7.1	Khô				
7.1.1	Dọc	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.1.2	Ngang	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.2	Uớt				
7.2.1	Dọc	cấp	$\geq 4$	/	TCVN 4538: 2007
7.2.2	Ngang	cấp	$\geq 4$	/	TCVN 4538: 2007
8	Độ bền màu mồ hôi (kiềm/axit)				
8.1	Thay đổi màu	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2	Dây màu				
8.2.1	Diaxetat	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.2	Bông	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.3	Polyamit	cấp	$\geq 4$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.4	Polyeste	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.5	Acrylic	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.6	Len	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
9	Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72 giờ	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-B02:2007
10	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40 độ c				
10.1	Dọc	%	$[-2,0 \div 2,0]$	/	TCVN 8041: 2009
10.2	Ngang	%	$[-2,0 \div 2,0]$	/	TCVN 8041: 2009
11	Phân tích thuốc nhuộm sử dụng		Hoàn nguyên	/	Phương pháp công nghệ bóc màu chỉ định
12	Độ chịu kiềm (ngâm trong dung dịch NaOH 20% sau 8h tiếp xúc)		Không có dấu hiệu hư hỏng	/	TCVN 2604:1978

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
13	Độ lệch màu vải chính so với C100 M85 Y0 K4 (Pantone 19-3952 TCX/7687 CP)	cấp	$\geq 4$	/	ISO 105-A02:1993
14	Độ lệch màu vải phối so với C0 M60 Y100 K0 (Pantone 17-1349 TCX/716 CP)	cấp	$\geq 4$	/	ISO 105-A02:1993
15	Độ mao dẫn theo phương thẳng đứng				
15.1	Tốc độ mao dẫn trong khoảng cách 20 mm				
15.1.1	Dọc	mm/s	$\geq 0,10$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
15.1.2	Ngang	mm/s	$\geq 0,10$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
15.2	Tốc độ mao dẫn trong thời gian 30 phút				
15.2.1	Dọc	mm/s	$\geq 0,03$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
15.2.2	Ngang	mm/s	$\geq 0,03$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
16	Độ thoát khí tại 20mm H <sub>2</sub> O	lít/m <sup>2</sup> .s	$\geq 80$	/	ISO 9237:1995
17	Khả năng ngấm ướt	s	$\leq 30$	/	AATCC 79-2018
18	Hàm lượng Formaldehyt	mg/kg	K.p.h	/	TCVN 7421-1:2013
19	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo	mg/kg	K.p.h	/	TCVN 12512-1:2018
20	Khả năng bay hơi nước bề mặt	phút	$\leq 25$	/	Phương pháp nội bộ

#### 1.2.4.3.2. Yêu cầu về kiểu cách, kỹ thuật may, thông số kỹ thuật



<b>ST T</b>	<b>Nội dung mô tả</b>	<b>Yêu cầu chung về kỹ thuật</b>
9	Nhà may/Đơn vị gia công may	Nhà thầu ghi rõ
10	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
11	Mã hiệu (nếu có)	Nhà thầu ghi rõ
12	Chi tiết bảo hộ hotline	Đáp ứng yêu cầu tại file đính kèm “PL3. Kiểu cách, YCKT BHLĐ Hotline.pdf”
4.1	Quần áo BHLĐ nam khối sửa chữa hotline	Trang 1 đến trang 8
4.2	Link đính kèm	<a href="https://drive.google.com/open?id=17cLTpSi2DDie4qfEoJAwmBAGJp5qfxY3&amp;usp=drive_fs">https://drive.google.com/open?id=17cLTpSi2DDie4qfEoJAwmBAGJp5qfxY3&amp;usp=drive_fs</a>
4.3	Yêu cầu nội dung	Quần áo Bảo hộ lao động của mỗi cá nhân tại vị trí cỡ size in thêm chữ "năm 2026"

**1.2.4.4. Yêu cầu tiêu chuẩn vải lót may áo Jacket và áo Gile (hàng hóa có STT là 6,7,8,19 thuộc phạm vi cung cấp)**

**1.2.4.4.1. Tiêu chuẩn vải may**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đvt</b>	<b>Yêu cầu</b>	<b>Dung sai</b>	<b>Phương pháp thử</b>
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung</b>				
1	Màu sắc vải chính		Màu cam, bảng màu C0 M60 Y100 K0 (Pantone 17-1349 TCX/716 CP)		
2	Biên bản thử nghiệm vải: Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử nghiệm mẫu phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính hoặc bản sao chứng thực khi đối chiếu E-HSDT		

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
	được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử nghiệm là cùng loại (cùng ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ) với loại vải chào thầu.				
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết</b>				
1	Kiểu dệt		Vân điểm	/	TCVN 4897: 1989
2	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste 100%	/	ISO/TR 11827: 2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-11:2009
3	Khối lượng thực tế	g/m2	58	± 5	TCVN 8042: 2009
4	Độ bền kéo đứt (băng vải 50 x 200 mm)				
4.1	Dọc	N	≥ 450	/	TCVN 1754: 1986
4.2	Ngang	N	≥ 400	/	TCVN 1754: 1986
5	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40 độ c				
5.1	Dọc	%	[-2,0 ÷ 2,0]	/	TCVN 8041: 2009
5.2	Ngang	%	[-2,0 ÷ 2,0]	/	TCVN 8041: 2009
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 độ C				
6.1	Thay đổi màu	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2	Dây màu				
6.2.1	Diaxetat	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.2	Bông	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.3	Polyamit	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.4	Polyeste	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.5	Acrylic	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.6	Len	cấp	≥ 4-5	/	TCVN 7835-C10: 2007

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
7	Độ bền ma sát				
7.1	Khô				
7.1.1	Dọc	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.1.2	Ngang	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.2	Ướt				
7.2.1	Dọc	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.2.2	Ngang	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
8	Độ lệch màu so với C0 M60 Y100 K0 (Pantone 17-1349 TCX/716 CP)	cấp	$\geq 4$	/	ISO 105-A02:1993

#### 1.2.4.4.2. Yêu cầu về kiểu cách, kỹ thuật may, thông số kỹ thuật

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu chung về kỹ thuật
1	Nhà may/Đơn vị gia công may	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Mã hiệu (nếu có)	Nhà thầu ghi rõ
4	Chi tiết bảo hộ lao động	Đáp ứng yêu cầu tại file đính kèm “PL1. Kiểu cách, YCKT BHLĐ LĐTT.pdf”
4.1	Áo Jacket và áo Gile nam nữ	Trang 17 đến trang 35
4.2	Link đính kèm	<a href="https://drive.google.com/open?id=1_C8tUA TkV8gkBurXD9XVkJNdqACQ56JXM&amp;usp=drive fs">https://drive.google.com/open?id=1_C8tUA TkV8gkBurXD9XVkJNdqACQ56JXM&amp;usp=drive fs</a>
4.3	Yêu cầu nội dung	Quần áo Bảo hộ lao động của mỗi cá nhân tại vị trí cỡ size in thêm chữ "năm 2026"

#### 1.2.4.5. Yêu cầu tiêu chuẩn vải chính, vải phối dùng áo BHLĐ jacket Hotline (hàng hóa có STT là 9 thuộc phạm vi cung cấp)

##### 1.2.4.5.1. Tiêu chuẩn vải may

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
I	Yêu cầu chung				
1	Màu sắc vải chính		Màu xanh lam, bảng màu C100 M85 Y0 K4 (Pantone 19-3952 TCX/7687 CP)		

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
2	Màu sắc vải phối		Màu cam, bảng màu C0 M60 Y100 K0 (Pantone 17-1349 TCX/716 CP)		
3	Biên bản thử nghiệm vải: Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử nghiệm mẫu phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử nghiệm là cùng loại (cùng ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ) với loại vải chào thầu.		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính hoặc bản sao chứng thực khi đối chiếu E-HSDT		
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết</b>				
1	Kiểu dệt		Vân chéo 2/2	/	TCVN 4897: 1989
2	Chỉ số sợi tách từ vải				
2.1	Dọc	Ne	45/2	± 2	TCVN 5095: 1990
2.2	Ngang	Ne	45/2	± 2	TCVN 5095: 1990
3	Thành phần nguyên liệu	%	Polyeste: 65% Bông: 35%	± 3	ISO/TR 11827: 2012
4	Khối lượng thực tế	g/m2	225	± 5	TCVN 8042: 2009
5	Độ bền kéo đứt (băng vải 50 x 200mm)				

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
5.1	Dọc	N	$\geq 1500$	/	TCVN 1754: 1986
5.2	Ngang	N	$\geq 750$	/	TCVN 1754: 1986
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 độ C				
6.1	Thay đổi màu	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2	Dây màu				
6.2.1	Diaxetat	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.2	Bông	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.3	Polyamit	cấp	$\geq 4$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.4	Polyeste	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.5	Acrylic	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
6.2.6	Len	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-C10: 2007
7	Độ bền ma sát				
7.1	Khô				
7.1.1	Dọc	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.1.2	Ngang	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 4538: 2007
7.2	Ướt				
7.2.1	Dọc	cấp	$\geq 4$	/	TCVN 4538: 2007
7.2.2	Ngang	cấp	$\geq 4$	/	TCVN 4538: 2007
8	Độ bền màu mồ hôi (kiềm/axit)				
8.1	Thay đổi màu	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2	Dây màu				
8.2.1	Diaxetat	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.2	Bông	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.3	Polyamit	cấp	$\geq 4$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.4	Polyeste	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
					E04: 2010
8.2.5	Acrylic	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
8.2.6	Len	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN7835-E04: 2010
9	Độ bền màu ánh sáng đèn xenon sau 72 giờ	cấp	$\geq 4-5$	/	TCVN 7835-B02:2007
10	Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40 độ c				
10.1	Dọc	%	$[-2,0 \div 2,0]$	/	TCVN 8041: 2009
10.2	Ngang	%	$[-2,0 \div 2,0]$	/	TCVN 8041: 2009
11	Phân tích thuốc nhuộm sử dụng		Phân tán/Hoàn nguyên	/	Phương pháp công nghệ bóc màu chỉ định
12	Độ chịu kiềm (ngâm trong dung dịch NaOH 20% sau 8h tiếp xúc)		Không có dấu hiệu hư hỏng	/	TCVN 2604:1978
13	Độ lệch màu vải chính so với C100 M85 Y0 K4 (Pantone 19-3952 TCX/7687 CP)	cấp	$\geq 4$	/	ISO 105-A02:1993
14	Độ lệch màu vải phối so với C0 M60 Y100 K0 (Pantone 17-1349 TCX/716 CP)	cấp	$\geq 4$	/	ISO 105-A02:1993
15	Độ mao dẫn theo phương thẳng đứng				
15.1	Tốc độ mao dẫn trong khoảng cách 20 mm				
15.1.1	Dọc	mm/s	$\geq 0,03$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
15.1.2	Ngang	mm/s	$\geq 0,02$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
15.2	Tốc độ mao dẫn trong thời gian 30 phút				
15.2.1	Dọc	mm/s	$\geq 0,04$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)
15.2.2	Ngang	mm/s	$\geq 0,04$	/	AATCC 197-2018 (Lựa chọn A)

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
16	Độ thoát khí tại 20mm H <sub>2</sub> O	lít/m <sup>2</sup> .s	≥ 60	/	ISO 9237:1995
17	Khả năng ngấm ướt	s	≤ 25	/	AATCC 79-2018
18	Hàm lượng Formaldehyt	mg/kg	K.p.h	/	TCVN 7421-1:2013
19	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo	mg/kg	K.p.h	/	TCVN 12512-1:2018
20	Khả năng bay hơi nước bề mặt	phút	≤ 20	/	Phương pháp nội bộ

#### 1.2.4.5.2. Yêu cầu về kiểu cách, kỹ thuật may

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu chung về kỹ thuật
1	Nhà may/Đơn vị gia công may	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Mã hiệu (nếu có)	Nhà thầu ghi rõ
4	Chi tiết bảo hộ hotline	Đáp ứng yêu cầu tại file đính kèm “PL3. Kiểu cách, YCKT BHLĐ Hotline.pdf”
4.1	Áo Jacket, Jile Hotline	Trang 9- 16
4.2	Link đính kèm	<a href="https://drive.google.com/open?id=17cLTpSi2DDie4qfEoJAwmBAGJp5qfxY3&amp;usp=drive_fs">https://drive.google.com/open?id=17cLTpSi2DDie4qfEoJAwmBAGJp5qfxY3&amp;usp=drive_fs</a>
4.4	Yêu cầu nội dung	Quần áo Bảo hộ lao động của mỗi cá nhân tại vị trí cỡ size in thêm chữ "năm 2026"


#### 1.2.4.6 Áo bạt đi mưa (hàng hóa có STT là 10 thuộc phạm vi cung cấp)

##### 1.2.4.6.1 Tiêu chuẩn chất liệu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
1	Độ kháng thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh sau lão hóa 168h, 70°C	cmH <sub>2</sub> O	≥1900	/	ISO 811:2018
2	Thành phần nguyên liệu	%	100 polyeste	/	ISO/TR 11827:2012
3	Độ bền màu ma sát				
3.1	Khô (Dọc/Ngang)	Cấp	4-5	/	TCVN 4538:2007
3.2	Uớt (Dọc/Ngang)	Cấp	4-5	/	TCVN 4538:2007
4	Độ lệch màu vải nền so với Pantone 17-1349 TCX	Cấp	≥2	/	ISO 105-J01:1997, ISO 105-A02:1993

5	Độ bền màu ánh sáng đèn xenon	Cấp	4-5	/	ISO 105-B02:2014
6	Xác định các phtalat (Di-butyl phthalate, Butyl benzyl phthalate, Di-n-octyl phthalate, Di-isononyl phthalate, Di-Isodecyl phthalate)	%	K.p.h	/	ISO 14389:2022


#### 1.2.4.6.2 Quy cách, kiểu dáng

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà sản xuất /Nước sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Ký mã hiệu	Nhà thầu nêu rõ
4	Yêu cầu kỹ thuật	Tương tự mã hiệu SSNS-02 hoặc tương đương - Chất liệu: Nylon/PVC - Độ dày: $\geq 0.18$ mm - Màu sắc: màu cam
5	Đặc tính	- Bộ quần áo đi mưa 2 lớp giữ ấm và phản quang an toàn - Tiện ích túi ngoài và nón gấp gọn trong cổ áo - Chất liệu không co giãn, không thấm ướt - Phản quang viền trước, sau lưng áo và dưới ống quần
6	Biên bản thử nghiệm xuất xưởng	Có biên bản thử nghiệm xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng của Nhà sản xuất (cho sản phẩm mẫu nộp và cho cả lô hàng khi giao hàng)
7	Kích cỡ	L, XL, 2XL, 3XL (Theo kích cỡ từng cá nhân tại đơn vị công tác)
8	Hình ảnh minh họa	
9	Yêu cầu nội dung	Quần áo Bảo hộ lao động của mỗi cá nhân tại vị trí cỡ size in thêm chữ "năm 2026"


#### 1.2.4.7 Giấy vải BHLĐ(hàng hóa có STT là 11 thuộc phạm vi cung cấp)

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà sản xuất /Nước sản xuất	Nhà thầu ghi rõ




TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Ký mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
4	Yêu cầu kỹ thuật	Tương tự mã hiệu KK-23 hoặc tương đương - Chất liệu: Vải kaki kết hợp da lộn, đế cao su kép chống trơn trượt tốt. - Quy cách: 01 đôi - Kích thước: (36-45)cm
5	Hình ảnh minh họa	

#### 1.2.4.8 Dép rọ quai hậu (hàng hóa có STT là 12 thuộc phạm vi cung cấp)


TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà sản xuất /Nước sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Ký mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
4	Yêu cầu kỹ thuật	Tương tự dép có mã hiệu ASECO 32 hoặc tương đương - Nhựa PVC dẻo dai. - Có khoá gài bằng kim loại chắc chắn
5	Biên bản thử nghiệm xuất xưởng	Có bản chính hoặc bản sao có chứng thực Biên bản thử nghiệm xuất xưởng hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng của Nhà sản xuất, nhà thầu nộp khi giao hàng
6	Kích cỡ	38-44 (Theo kích cỡ từng cá nhân tại đơn vị công tác)
7	Hình ảnh minh họa	

#### 1.2.4.9 Găng tay vải (hàng hóa có STT là 13 thuộc phạm vi cung cấp)

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà sản xuất/nước sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Ký mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
4	Yêu cầu kỹ thuật	Tương tự mã sản phẩm BH-AGT-110 hoặc tương đương - Chất liệu: Sợi polyester hoặc poly-cotton đan kim - Trọng lượng: Khoảng 50g/đôi ( $\pm 5\%$ ) - Màu sắc thân găng: Trắng ngà hoặc trắng - Màu cổ tay: Xanh (blue)

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
5	Hình ảnh minh họa	
6		

#### 1.2.4.10 Găng tay chống cắt (hàng hóa có STT là 14 thuộc phạm vi cung cấp)


TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà sản xuất/nước sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Ký mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
4	Yêu cầu kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Sợi HPPE, sợi thủy tinh và Spandex</li> <li>- Lớp phủ: PU</li> <li>- Tiêu chuẩn: CE, ASTM và các tiêu chuẩn an toàn quốc tế</li> <li>- Kích cỡ: M, L, XL</li> </ul>
5	Hình ảnh minh họa	
6	Biên bản xuất xưởng hoặc (CO, CQ)	Có bản chính/bản sao có công chứng giấy chứng nhận xuất xưởng của Nhà sản xuất (CO, CQ đối với hàng hóa nhập khẩu), nhà thầu nộp khi giao hàng

#### 1.2.4.11 Kính BHLĐ (kính số 0) (hàng hóa có STT là 15 thuộc phạm vi cung cấp)


TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà sản xuất/nước sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Ký mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
4	Yêu cầu kỹ thuật	<p>Tương tự mã hiệu S200A-0 hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polycarbonate</li> <li>- Màu sắc: Trong suốt/đen</li> <li>- Tính năng: Chống trầy xước, chống tia UV &amp; UB 99%, không gây nhức mắt, chống lóa, chống va đập</li> <li>- Có lớp phủ chống trầy xước giúp bảo vệ kính lâu hơn</li> <li>- Trọng lượng: 30g</li> </ul>

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
5	Hình ảnh minh họa	
6	Biên bản xuất xưởng hoặc (CO, CQ)	Có bản chính/bản sao có công chứng giấy chứng nhận xuất xưởng của Nhà sản xuất (CO, CQ đối với hàng hóa nhập khẩu), nhà thầu nộp khi giao hàng

**1.2.4.12 Vành mũ bảo hộ che nắng (hàng hóa có STT là 16 thuộc phạm vi cung cấp)**

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà sản xuất/nước sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Ký mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
4	Yêu cầu kỹ thuật	- Chất liệu: Vải kaki - Màu sắc: Ghi sáng - Kích cỡ: Tùy chọn
5	Hình ảnh minh họa	

**1.2.2.13 Ủng cao su chống trơn trượt (hàng hóa có STT là 17 thuộc phạm vi cung cấp)**

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà sản xuất/nước sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Ký mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
4	Yêu cầu kỹ thuật	Tương tự mã U107 hoặc tương đương - Chất liệu: PVC, Phủ 1 lớp sơn bóng - Kích cỡ: (38-43)cm
5	Biên bản xuất xưởng hoặc (CO, CQ)	Có bản chính/bản sao có công chứng giấy chứng nhận xuất xưởng của Nhà sản xuất (CO, CQ đối với hàng hóa nhập khẩu), nhà thầu nộp khi giao hàng
6	Hình ảnh minh họa	

**1.2.4.14 Quần bảo vệ, Áo ấm (hàng hóa có STT là 20, 23 thuộc phạm vi cung cấp)**

#### 1.2.4.14.1 Tiêu chuẩn vải may

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung</b>				
1	Màu sắc vải chính		Màu xanh tím than		
2	Kiểu dáng		Theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Theo thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016		
3	Biên bản thử nghiệm vải: Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử nghiệm mẫu phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử nghiệm là cùng loại (cùng ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ) với loại vải chào thầu.		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính hoặc bản sao chứng thực khi đối chiếu E-HSDT		
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết</b>				
1	Thành phần nguyên liệu				ISO/TR11827: 2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009, TCVN 5465-7:2009, TCVN 5465-12:2009
1.1	Bông	%	60	±3	
1.2	Polyamit	%	39	±3	
1.3	Spandex	%	1	±2	
2	Khối lượng vải (g/m2)	g/m	283	±5	TCVN

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
		2			8042:2009
3	Mật độ sợi				
3.1	Dọc sợi/10cm		1016	±3	TCVN 1753:1986
3.2	Ngang sợi/10cm		450	±3	TCVN 1753:1986
4	Độ nhỏ sợi tách từ vải				
4.1	dọc (Ne)		42,6/1	±3	TCVN 5095:1990
4.2	ngang-sợi filament có chun (Den)		172	±3	TCVN 5095:1990
5	Độ bền kéo đứt				
5.1	Dọc	N	1147	≥	TCVN 1754:1986
5.2	Ngang	N	1052	≥	TCVN 1754:1986
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 °C				
6.1	Thay đổi màu	Cấp	4		TCVN 7835-C10:2007
6.2	Dây màu:				
6.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.2	Bông	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.3	Polyamit	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.4	Polyeste	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.5	Acrylic	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.6	Len	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
7	Độ bền màu ánh sáng đèn thủy ngân sau 72 giờ (cấp)	Cấp	4		TCVN 5823:1994
8	Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp)				
8.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8.2	Dây màu:				
8.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.2	Bông	Cấp	3-4		TCVN 7835-E04:2010

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
8.2.3	Polyamit	Cấp	4		TCVN 7835-E04:2010
8.2.4	Polyeste	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.5	Acrylic	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.6	Len	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
9	Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp)				
9.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
9.2	Dây màu:				
9.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
9.2.2	Bông	Cấp	3-4		TCVN 7835-E04:2010
9.2.3	Polyamit	Cấp	4		TCVN 7835-E04:2010
9.2.4	Polyeste	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
9.2.5	Acrylic	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
9.2.6	Len	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
10	Độ bền màu ma sát (cấp)	Cấp			
10.1	Khô				
10.1.1	Dọc	Cấp	4-5		TCVN 4538:2007
10.1.2	Ngang	Cấp	4-5		TCVN 4538:2007
10.2	Uớt				
10.2.1	Dọc	Cấp	3-4		TCVN 4538:2007
10.2.2	Ngang	Cấp	3-4		TCVN 4538:2007
11	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô				
11.1	Dọc	%	-1,0	±1	TCVN 8041:2009
11.2	Ngang	%	0	±1	TCVN 8041:2009

#### 1.2.4.14.2 Yêu cầu về kiểu cách, kỹ thuật may

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà may gia công	Nhà thầu ghi rõ

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
2	Mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
3	Kích cỡ	May đo theo kích cỡ từng cá nhân tại đơn vị công tác
4	Kiểu dáng thiết kế và kỹ thuật may	Theo Thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016
5	Logo và trình bày	Logo bảo vệ bên tay phải, logo EVN gắn bên tay trái. Trên túi áo có gắn biển tên
6	Mô tả thiết kế	
6.1	Áo đai cán	Áo gồm năm lớp, cổ bẻ, thắt đai lưng khóa nhựa, lớp lót chân bông được gắn với vỏ ngoài bằng khóa kéo. Thân trước ngực may hai túi ngực ốp ngoài, góc bị túi lượn tròn, nắp túi vát nhọn, xung quanh bị túi và nắp túi đều hai đường song song. Phía dưới thân trước bỏ hai túi cơi chéo, nẹp có một hàng năm chiếc cúc nhựa cùng màu vải. Bên trong có khóa kéo, bên ngoài có nẹp che khóa. Thân sau may cầu vai rời, sườn may đĩa lượn đai lưng. Tay kiểu hai mang, may cá tay, trên cánh tay trái dán logo. Có ken vai, may bật vai đeo cấp hiệu
6.2	Quần	Quần kiểu cạp rời 4cm, hai túi sườn chéo. Thân trước mỗi bên xếp một ly lật về phía dọc quần, cửa quần may khóa kéo. Thân sau mỗi bên may một chiết và bỏ một túi viên. Cạp may sáu đĩa, đầu cạp may quai nhê có cài cúc. Gấu quần bằng.
7	Hình ảnh minh họa	

#### 1.2.4.15 Áo bảo vệ dài tay/ ngắn tay (hàng hóa có STT là 21,22 thuộc phạm vi cung cấp)

##### 1.2.4.15.1 Yêu cầu tiêu chuẩn vải may

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
I	<b>Yêu cầu chung</b>				
1	Màu sắc vải chính		Màu xanh dương		
2	Kiểu dáng		Theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Theo		


TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
			thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016		
3	Biên bản thử nghiệm vải: Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử nghiệm mẫu phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử nghiệm là cùng loại (cùng ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ) với loại vải chào thầu.		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính hoặc bản sao chứng thực khi đối chiếu E-HSDT		
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết</b>				
1	Thành phần nguyên liệu	%	100% Polyeste		ISO/TR118 27:2012
2	Khối lượng vải	g/m2	120	±5	TCVN 8042:2009
3	Mật độ sợi				
3.1	Dọc	sợi/10cm	455	± 3	TCVN 1753:1986
3.2	Ngang	sợi/10cm	320	± 3	TCVN 1753:1986
4	Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne)				
4.1	dọc		40,7/1	±3	TCVN 5095:1990
4.2	ngang		38/1	±3	TCVN 5095:1990
5	Độ bền kéo đứt				
5.1	Dọc	N	≥717		1754:1986 (phương pháp băng vải)
5.2	Ngang	N	≥425		1754:1986




TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
					(phương pháp băng vải)
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 °C (cấp)	Cấp			
6.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2	Dây màu:				
6.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.2	Bông	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.3	Polyamit	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.4	Polyeste	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.5	Acrylic	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.6	Len	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007

#### 1.2.4.15.2. Yêu cầu về kiểu cách, kỹ thuật may

T T	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nhà may gia công	Nhà thầu ghi rõ
2	Mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
3	Kích cỡ	May đo theo kích cỡ từng cá nhân tại đơn vị công tác
4	Kiểu dáng thiết kế và kỹ thuật may	Theo Thông tư 08/2016/TT-BCA ngày 16/02/2016
5	Logo Áo bảo vệ dài tay, ngắn tay	<p>* Logo bảo vệ bên tay phải, logo EVN gắn bên tay trái. Trên túi áo có gắn biển tên.</p> <p>- Logo bảo vệ:</p> <p>+ Cấu tạo: Hình tám lá chắn, phía trên là dải lụa. Trên nền dải lụa có chữ “BẢO VỆ” nằm giữa, hai bên có ngôi sao năm cánh. Giữa ký hiệu là lá cờ đỏ sao vàng nằm ở trong hình tròn với các tia sáng bao quanh. Phía dưới là hình tượng nhà máy, cơ quan, công trường. Dưới cùng là hình nửa bánh xe có</p>

<b>T T</b>	<b>Nội dung mô tả</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật</b>
		dòng chữ “CÔNG TY ĐIỆN LỰC SƠN LA”. + Màu sắc: Lá cờ đỏ, sao vàng, các tia sáng bao quanh màu vàng sẫm: hình tượng nhà máy, cơ quan, công trường màu xanh lam. - Logo EVN: Theo quy định của EVN tại VB số 2939/EVN-PC ngày 28/5/2021 * Trên vai áo có cầu vai bảo vệ (có thể tháo rời)
6	Mô tả thiết kế	Áo kiểu cổ đứng có chân bản cổ 6 cm, dáng mặc vừa. Thân trước bên trái ngực may một túi ốp ngoài, có nắp nhọn đầu, đáy túi lượn tròn, có 1 khuy cài, trên nắp túi có thêu tên người mặc. Nẹp áo 2,5 cm may gấp vào trong, một hàng 07 chiếc cúc nhựa cùng màu vải, bao gồm cả cúc cổ. Thân sau cầu vai rời xếp hai ly. Tay dài may măng séc 6 cm, có bở trụ, giữa thếp tay đính một cúc, cửa tay mỗi bên xếp hai ly lật về phía thếp tay. Gấu áo bằng. Logo gắn bên tay trái Áo sơ mi may cùng kiểu nhưng có tay ngắn
7	Hình ảnh minh họa	

**1.2.4.16. Giày da (hàng hóa có STT là 24 thuộc phạm vi cung cấp):**

<b>TT</b>	<b>Nội dung mô tả</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật</b>
1	Nhà sản xuất / Nước sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
2	Mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
3	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
4	Yêu cầu kỹ thuật	Tương tự mã hiệu GVS-024 hoặc tương đương - Chất liệu: Da bò - Màu sắc: Đen - Quy cách: 01 đôi - Kích thước: (38-45)cm
5	Hình ảnh minh họa	

**1.2.4.17. Áo sơ mi dài tay/ ngắn tay nam (hàng hóa có STT 26, 27 thuộc phạm vi cung cấp)**

#### 1.2.4.17.1. Tiêu chuẩn vải may



TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung về vải may</b>				
1	Màu sắc vải		Trắng		
2	Biên bản thử nghiệm vải: Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử nghiệm mẫu phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử nghiệm là cùng loại (cùng ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ) với loại vải chào thầu.		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính hoặc bản sao chứng thực khi đối chiếu E-HSDT		
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết vải may</b>				
1	Thành phần nguyên liệu				ISO/TR11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009, TCVN 5465-11:2009, TCVN 5465-12:2009
1.1	Polyeste	%	40	±3	
1.2	Rayon	%	59	±3	
1.3	Spandex	%	1	±2	
2	Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> )	g/m <sup>2</sup>	203	±5	TCVN 8042:2009
3	Mật độ sợi				
3.1	Dọc sợi/10cm		513	±3	TCVN 1753:1986
3.2	Ngang sợi/10cm		335	±3	TCVN 1753:1986
4	Độ bền kéo đứt (N)				
4.1	Dọc	N	963	≥	TCVN 1754:1986 (phương pháp

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
					băng vải)
4.2	Ngang	N	480	$\geq$	TCVN 1754:1986 (phương pháp băng vải)
5	Độ nhỏ sợi tách từ vải				
5.1	Dọc (Ne)	Ne	33,0/1	$\pm 3$	TCVN 5095:1990
5.2	Ngang-sợi đơn có chun	Ne	28,0/1	$\pm 3$	TCVN 5095:1990
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 °C (cấp)	Cấp			
6.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2	Dây màu				
6.2.1	Diaxetat	Cấp	5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.2	Bông	Cấp	5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.3	Polyamit	Cấp	5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.4	Polyeste	Cấp	5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.5	Acrylic	Cấp	5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.6	Len	Cấp	5		TCVN 7835-C10:2007
7	Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp)				
7.1	Thay đổi màu	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2	Dây màu				
7.2.1	Diaxetat	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.2	Bông	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.3	Polyamit	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.4	Polyeste	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.5	Acrylic	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.6	Len	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8	Độ bền màu mồ hôi, kiềm				

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
	(cấp)				
8.1	Thay đổi màu	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2	Dây màu				
8.2.1	Diaxetat	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.2	Bông	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.3	Polyamit	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.4	Polyeste	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.5	Acrylic	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.6	Len	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
9	Độ bền màu ma sát (cấp)				
9.1	Khô				
9.1.1	Dọc	Cấp	5		TCVN 4538:2007
9.1.2	Ngang	Cấp	5		TCVN 4538:2007
9.2	Uớt				
9.1.1	Dọc	Cấp	5		TCVN 4538:2007
9.1.2	Ngang	Cấp	5		TCVN 4538:2007
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô (%)				
10.1	Dọc	Cấp	+2,5	±1	TCVN 8041:2009
10.2	Ngang	Cấp	+1,0	±1	TCVN 8041:2009
11	Độ bền màu ánh sáng đèn thủy ngân sau 72 giờ (cấp)	Cấp	4-5		TCVN 5823:1994

#### 1.2.4.17.2. Yêu cầu về quy cách, kỹ thuật may

TT	Nội dung	Mô tả	
1	Nhà may	Nhà thầu ghi rõ	
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ	
3	Mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ	
4	Lấy số đo	Đơn vị may lấy số đo	

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Chi tiết thiết kế
II	<b>Áo sơ mi nam dài tay, ngắn tay</b> <div style="display: flex; align-items: center; justify-content: center;">  <div style="margin-left: 20px;"> <p>Các thức: Logo thêu</p>  </div> </div>		
1	Áo sơ mi nam dài tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Áo sơ mi tùy theo nhu cầu của CBCNV (2 kiểu dáng: có ly sau hoặc không có ly sau), vạt hơi bầu. Logo tên Công ty tại ngực trái đường kính 15mm</li> <li>- Cổ: Cổ đực có chân, bản cổ 6,5cm, ve nhọn đều, bản cổ phẳng êm, có xương cá đầu cổ.</li> <li>- Tay: đường may cách đều mép, khi kéo không đứt chỉ. Manchette có 1 ly, bản to 6cm tràn 2 đường chỉ song song, đính 2 khuy, cạnh manchette thẳng mép với mép tay.</li> <li>- Thân trước: nẹp lộ khuy, túi ốp ngực đáy lượn tròn 2 bên, có thêu logo nhận diện thương hiệu EVN trên ngực trái.</li> <li>- Thân sau: cầu vai may mí.</li> <li>- Gấu: lượn vạt hơi bầu.</li> <li>- Chỉ may: chỉ polyester se xoắn, sợi kháng khuẩn chống mốc, 60 C2 đồng màu.</li> <li>- Khuy: khuy tròn 4 lỗ, dày 3 mm, cắt tia laze tròn đều. Nhựa HDPE chịu nhiệt (thân thiện môi trường)</li> </ul>	
2	Áo sơ mi nam ngắn tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Áo sơ mi tùy theo nhu cầu của CBCNV (2 kiểu dáng: có ly sau hoặc không có ly sau), vạt hơi bầu. Logo tên Công ty tại ngực trái đường kính 15mm</li> <li>- Cổ: Cổ đực có chân, bản cổ 6,5cm, ve nhọn đều, bản cổ phẳng êm, có xương cá đầu cổ.</li> <li>- Tay: đường may cách đều mép, khi kéo không đứt chỉ. Nẹp lật gấu tay lên 3,5 cm, đè đường diều 5 ly.</li> <li>- Thân trước: nẹp lộ khuy, túi ốp ngực đáy lượn tròn 2 bên, có thêu logo nhận diện thương hiệu EVN trên ngực trái.</li> <li>- Thân sau: cầu vai may mí.</li> <li>- Gấu: lượn vạt hơi bầu.</li> <li>- Chỉ may: chỉ polyester se xoắn, sợi kháng khuẩn chống mốc, 60 C2 đồng màu.</li> <li>- Khuy: khuy tròn 4 lỗ, dày 3 mm, cắt tia laze tròn đều. Nhựa</li> </ul>	

		HDPE chịu nhiệt (thân thiện môi trường)
--	--	---

#### 1.2.4.18. Quần âu nam (hàng hóa có STT 27 thuộc phạm vi cung cấp)

##### 1.2.4.18.1. Tiêu chuẩn vải may

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung về vải may</b>				
1	Màu sắc vải		CMYK C85 M78 Y35 K40		
2	Biên bản thử nghiệm vải: Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử nghiệm mẫu phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử nghiệm là cùng loại (cùng ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ) với loại vải chào thầu.		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính hoặc bản sao chứng thực khi đối chiếu E-HSDT		
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết</b>				
1	Thành phần nguyên liệu				ISO/TR11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009, TCVN 5465-4:2009, TCVN 5465-11:2009, TCVN 5465-12:2009
1.1	Polyeste	%	63	±3	
1.2	Len	%	7	±3	
1.3	Rayon	%	28	±3	
1.4	Spandex	%	2	±2	


TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
2	Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> )	g/m <sup>2</sup>	245	±5	TCVN 8042:2009
3	Kiểu dệt		Vân chéo 2/2	/	TCVN 4897:1989
4	Mật độ sợi				
4.1	Dọc sợi/10cm		410	±3	TCVN 1753:1986
4.2	Ngang sợi/10cm		350	±3	TCVN 1753:1986
5	Độ nhỏ sợi tách từ vải				
5.1	Dọc	Ne	37,2/2	±3	TCVN 5095:1990
5.2	Ngang-sợi đơn có chun	Ne	27,9/1	±3	TCVN 5095:1990
6	Độ bền kéo đứt (N)				
6.1	Dọc	N	1198	≥	TCVN 1754:1986 (phương pháp băng vải)
6.2	Ngang	N	516	≥	TCVN 1754:1986 (phương pháp băng vải)
7	Độ bền xé rách				
7.1	Dọc	N	83,1	±5	ISO 13937-1:2000
7.2	Ngang	N	40,1	±5	ISO 13937-1:2000
8	Độ bền màu giặt A(1); 40 °C				
8.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
8.2	Dây màu				
8.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
8.2.2	Bông	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
8.2.3	Polyamit	Cấp	4	≥	TCVN 7835-C10:2007
8.2.4	Polyeste	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
8.2.5	Acrylic	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
8.2.6	Len	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
9	Độ bền màu mồ hôi, axit				
9.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2007
9.2	Dây màu				
9.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2007
9.2.2	Bông	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2007



TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
9.2.3	Polyamit	Cấp	4	$\geq$	TCVN 7835-E04:2007
9.2.4	Polyeste	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2007
9.2.5	Acrylic	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2007
9.2.6	Len	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2007
10	Độ bền màu mồ hôi, kiềm				
10.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
10.2	Dây màu				
10.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
10.2.2	Bông	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
10.2.3	Polyamit	Cấp	4	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
10.2.4	Polyeste	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
10.2.5	Acrylic	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
10.2.6	Len	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
11	Độ bền màu ánh sáng đèn thủy ngân sau 72 giờ	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 5823:1994
12	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô				
12.1	Dọc	%	-1,0	$\pm 1$	TCVN 8041:2009
12.2	Ngang	%	-0,5	$\pm 1$	TCVN 8041:2009
13	Hàm lượng Formaldehyt	Mg/kg	K.p.h	/	TCVN 7421-1:2013
14	Ngoại quan của vải sau giặt 40 °C và làm khô	Cấp	SA-3.5	/	ISO 7768:2009 ISO 6330:2021

#### 1.2.4.18.2. Yêu cầu về quy cách, kỹ thuật may

TT	Nội dung	Mô tả	
1	Nhà may	Nhà thầu ghi rõ	
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ	
3	Mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ	
4	Lấy số đo	Đơn vị may lấy số đo	
TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Chi tiết thiết kế
	Quần âu nam		

TT	Nội dung	Mô tả
		
1	Quần âu nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Dáng quần ống ôm đứng (hoặc tùy theo nhu cầu của CBCNV)</li> <li>- Quần không ly hoặc có ly, 2 túi chéo hai bên. Một túi bỏ viền đằng sau bên trái (hoặc 2 túi hai bên).</li> <li>- Cạp rời 4 cm, có 6 đĩa tra dây lưng.</li> <li>- Gấu vát êm phẳng.</li> <li>- Chỉ may: chỉ polyester se xoắn, sợi kháng khuẩn chống mốc, 60 C2 đồng màu.</li> <li>- Khuy: khuy tròn 4 lỗ, dày 3mm, cắt tia laze tròn đều. Nhựa HDPE chịu nhiệt (thân thiện môi trường).</li> <li>- Khóa: dây kéo nylon răng nhuyễn đóng dưới chốt đồng. Băng vải polyester cùng màu răng cưa. Đầu khóa cùng màu có chốt hãm.</li> </ul>

#### 1.2.4.19. Áo sơ mi dài tay/ ngắn tay nữ (hàng hóa có STT 28, 29 thuộc phạm vi cung cấp)

##### 1.2.4.19.1. Tiêu chuẩn vải may


TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
I	<b>Yêu cầu chung về vải may</b>				
	Nhà sản xuất/ Nước sản xuất		Nhà thầu ghi rõ		
	Năm sản xuất		Nhà thầu ghi rõ		
	Màu sắc vải		Trắng		
	Biên bản thử nghiệm vải: Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính hoặc		

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
	nghiệm mẫu phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử nghiệm là cùng loại (cùng ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ) với loại vải chào thầu.		bản sao chứng thực khi đối chiếu E- HSDT		
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết</b>				
1	Thành phần nguyên liệu				ISO/TR 11827:2012, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009, TCVN 5465-6:2009 TCVN 5465- 11:2009, TCVN 5465- 12:2009,
1.1	Polyeste	%	41	±3	
1.2	Rayon	%	46	±3	
1.3	Bông	%	11	±3	
1.4	Spandex	%	2	±2	
2	Khối lượng vải (g/m2)	g/m2	160	±5	TCVN 8042:2009
3	Mật độ sợi				
3.1	Dọc sợi/10cm		633	±3	TCVN 1753:1986
3.2	Ngang sợi/10cm		350	±3	TCVN 1753:1986
4	Độ bền kéo đứt (N)				
4.1	Dọc	N	1018	≥	TCVN 1754:1986 (phương pháp băng vải)
4.2	Ngang	N	370	≥	TCVN 1754:1986 (phương pháp băng vải)
5	Độ nhỏ sợi tách từ vải				
5.1	Dọc	Ne	83,4/2	±3	TCVN 5095:1990
5.2	Ngang				
5.2.1	Ngang-sợi đơn	Ne	48,4/1	±3	TCVN 5095:1990
5.2.2	Ngang – sợi đơn có chun	Ne	45,0/1	±3	TCVN 5095:1990
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 °C (cấp)				
6.1	Thay đổi màu	Cấp	5		TCVN 7835- C10:2007
6.2	Dây màu				
6.2.1	Diaxetat	Cấp	5		TCVN 7835- C10:2007
6.2.2	Bông	Cấp	5		TCVN 7835- C10:2007

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
6.2.3	Polyamit	Cấp	5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.4	Polyeste	Cấp	5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.5	Acrylic	Cấp	5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.6	Len	Cấp	5		TCVN 7835-C10:2007
7	Độ bền màu mồ hôi, axit (cấp)				
7.1	Thay đổi màu	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2	Dây màu				
7.2.1	Diaxetat	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.2	Bông	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.3	Polyamit	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.4	Polyeste	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.5	Acrylic	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.6	Len	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8	Độ bền màu mồ hôi, kiềm (cấp)				
8.1	Thay đổi màu	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2	Dây màu				
8.2.1	Diaxetat	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.2	Bông	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.3	Polyamit	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.4	Polyeste	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.5	Acrylic	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.6	Len	Cấp	5		TCVN 7835-E04:2010
9	Độ bền màu ma sát (cấp)				
9.1	Khô (Dọc, Ngang)	Cấp	5		TCVN 4538:2007
9.2	Ướt (Dọc, Ngang)	Cấp	5		TCVN 4538:2007

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô (%)				
10.1	Dọc		-2,5	±1	TCVN 8041:2009
10.2	Ngang		-0,5	±1	TCVN 8041:2009
11	Độ bền màu ánh sáng đèn thủy ngân sau 72 giờ	Cấp	4-5		TCVN 5823-1994

#### 1.2.4.19.2. Yêu cầu về quy cách, kỹ thuật may

TT	Nội dung	Mô tả	
1	Nhà may	Nhà thầu ghi rõ	
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ	
3	Mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ	
4	Lấy số đo	Đơn vị may lấy số đo	
TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Chi tiết thiết kế
<b>II</b>	<b>Áo sơ mi nữ dài tay, ngắn tay</b>  <p>Các thứ: Logo thêu</p> <p>15mm</p> <p>EVN NPC</p>		
1	Áo sơ mi nữ dài tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Áo sơ mi dáng ôm vừa dài tay, vạt hơi bầu (hoặc theo nhu cầu của CBCNV). Logo tên Công ty tại ngực trái đường kính 15mm</li> <li>- Cổ: cổ đức, có chân, bản cổ 5,5cm, bản cổ phẳng êm.</li> <li>- Tay: đường may cách đều mép, khi kéo không đứt chỉ. Manchette có 1 ly, bản to 5cm trần 2 đường chỉ song song, đính 1 khuy, cạnh manchette thẳng mép với mép tay.</li> <li>- Thân trước: nẹp lộ khuy, chiết 2 ly, ly chiết vuốt nhọn thoát êm, nẹp tà áo êm phẳng, tà áo trơn đều, có thêu logo nhận diện thương hiệu EVN trên ngực trái.</li> <li>- Thân sau: chiết 2 ly tạo eo, ly chiết vuốt nhọn thoát.</li> <li>- Gấu: lượn vạt hơi bầu.</li> <li>- Chỉ may: chỉ polyester se xoắn, sợi kháng khuẩn chống mốc, 60 C2 đồng màu.</li> <li>- Khuy: khuy tròn 4 lỗ, dày 3mm, cắt tia laze tròn đều. Nhựa HDPE chịu nhiệt (thân thiện môi trường)</li> </ul>	
2	Áo sơ mi nữ ngắn tay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Áo sơ mi dáng ôm vừa ngắn tay, vạt hơi bầu (hoặc theo nhu cầu của CBCNV). Logo tên Công ty tại ngực trái đường kính 15mm</li> </ul>	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổ: cổ đực, có chân, bản cổ 5,5cm, bản cổ phẳng êm.</li> <li>- Tay: đường may cách đều mép, khi kéo không đứt chỉ. Nẹp lật gấu tay lên 3 cm, dè đường điều 5 ly.</li> <li>- Thân trước: nẹp lộ khuy, chiết 2 ly, ly chiết vuốt nhọn thoát êm, nẹp tà áo êm phẳng, tà áo trơn đều, có thêu logo nhận diện thương hiệu EVN trên ngực trái.</li> <li>- Thân sau: chiết 2 ly tạo eo, ly chiết vuốt nhọn thoát.</li> <li>- Gấu: lượn vạt hơi bầu.</li> <li>- Chỉ may: chỉ polyester se xoắn, sợi kháng khuẩn chống mốc, 60 C2 đồng màu.</li> <li>- Khuy: khuy tròn 4 lỗ, dày 3mm, cắt tia laze tròn đều. Nhựa HDPE chịu nhiệt (thân thiện môi trường)</li> </ul>
--	--	--

#### 1.2.4.20 Quần/ Chân váy nữ (hàng hóa có STT 30 thuộc phạm vi cung cấp)

##### 1.2.4.20.1. Tiêu chuẩn vải may

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung về vải may</b>				
1	Màu sắc vải		CMYK C85 M78 Y35 K40		
2	Biên bản thử nghiệm vải: Do đơn vị thử nghiệm độc lập có tư cách pháp nhân và đủ chức năng pháp lý thực hiện, đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 17025:2017 và ISO/IEC 17020:2012 (hoặc tương đương); phương pháp thử và kết quả thử nghiệm đáp ứng yêu cầu được nêu tại mục II dưới đây; Biên bản thử nghiệm mẫu phải ghi rõ: ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ của loại vải được thử nghiệm, hoặc nhà thầu phải có tài liệu chứng minh mẫu vải được thử nghiệm là cùng loại (cùng ký mã hiệu/nguồn gốc/xuất xứ) với loại vải chào thầu.		Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan và nộp bản chính hoặc bản sao chứng thực khi đối chiếu E-HSDT		
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết vải may</b>				
1	Thành phần nguyên liệu				ISO/TR11827:20


TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
					12, TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009, TCVN 5465-11:2009, TCVN 5465-12:2009
1.1	Polyeste	%	60	±3	
1.2	Rayon	%	38	±3	
1.3	Spandex	%	2	±2	
2	Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> )	g/m <sup>2</sup>	248	±5	TCVN 8042:2009
3	Mật độ sợi				
3.1	Dọc sợi/10cm		348	±3	TCVN 1753:1986
3.2	Ngang sợi/10cm		303	±3	TCVN 1753:1986
4	Độ bền kéo đứt (N)				
4.1	Dọc	N	1300	≥	TCVN 1754:1986 (phương pháp băng vải)
4.2	Ngang	N	593	≥	TCVN 1754:1986 (phương pháp băng vải)
5	Độ nhỏ sợi tách từ vải				
5.1	Dọc	Ne	30,0/2	±3	TCVN 5095:1990
5.2	Ngang				
5.2.1	Ngang - sợi đơn có chun	Ne	26,6/1	±3	TCVN 5095:1990
5.2.2	Ngang - sợi xe 2 có chun	Ne	36,3/2	±3	TCVN 5095:1990
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 °C (cấp)				
6.1	Thay đổi màu	Cấp	4		TCVN 7835-C10:2007
6.2	Dây màu				TCVN 7835-C10:2007
6.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.2	Bông	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.3	Polyamit	Cấp	4		TCVN 7835-C10:2007
6.2.4	Polyeste	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.5	Acrylic	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007
6.2.6	Len	Cấp	4-5		TCVN 7835-C10:2007

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
7	Độ bền màu mồ hôi, axit				
7.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
7.2	Dây màu				
7.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.2	Bông	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.3	Polyamit	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.4	Polyeste	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.5	Acrylic	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
7.2.6	Len	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8	Độ bền màu mồ hôi, kiềm				
8.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8.2	Dây màu				
8.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.2	Bông	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.3	Polyamit	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.4	Polyeste	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.5	Acrylic	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
8.2.6	Len	Cấp	4-5		TCVN 7835-E04:2010
9	Độ bền màu ma sát				
9.1	Khô (dọc, ngang)	Cấp	4-5		TCVN 4538:2007
9.2	Uớt (dọc, ngang)	Cấp	3-4		TCVN 4538:2007
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 °C và làm khô (%)				
10.1	Dọc		-1,5	±1	TCVN 8041:2009
10.2	Ngang		-1,5	±1	TCVN 8041:2009
11	Độ bền màu ánh sáng đèn thủy ngân sau 72 giờ	Cấp	4-5		TCVN 5823:1994

#### 1.2.4.20.2. Yêu cầu về quy cách, kỹ thuật may

TT	Nội dung	Mô tả	
1	Nhà may	Nhà thầu ghi rõ	



2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ	
3	Mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ	
4	Lấy số đo	Đơn vị may lấy số đo	
<b>TT</b>	<b>Tên hàng hóa</b>	<b>Thông số kỹ thuật</b>	<b>Chi tiết thiết kế</b>
<b>II</b>	Quần/ Chân váy nữ 		
1	Quần nữ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Dáng quần ống ôm đứng (hoặc theo nhu cầu của CBCNV).</li> <li>- Cạp rời bản 3,5cm, có 5 đĩa tra dây lưng. Có móc cài kim loại và 1 khuy.</li> <li>- Thân trước: không ly hoặc có ly, có 2 túi chéo hình cong hàm ếch.</li> <li>- Gấu: đường may đều, không vặn, không vênh.</li> <li>- Chỉ may: chỉ polyester se xoắn, sợi kháng khuẩn chống mốc, 60 C2 đồng màu.</li> <li>- Khuy: khuy tròn 4 lỗ, dày 3mm, cắt tia laze tròn đều. Nhựa HDPE chịu nhiệt (thân thiện môi trường).</li> <li>- Khóa: dây kéo nylon răng nhuyển đóng dưới chốt đồng. Băng vải polyester cùng màu răng cưa. Đầu khóa cùng màu có chốt hãm.</li> </ul>	
2	Chân váy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu dáng: Dáng bút chì xẻ úp sau.</li> <li>- Thân trước: Hai chiết trước hoặc không chiết theo số đo cụ thể. Túi chéo hai bên.</li> <li>- Thân sau: Hai chiết sau, khóa sau. Cạp rời 3cm. Xẻ sau.</li> <li>- Chỉ may: chỉ polyester se xoắn, sợi kháng khuẩn chống mốc, 60 C2 đồng màu.</li> <li>- Khóa: dây kéo nylon răng nhuyển đóng dưới chốt đồng. Băng vải polyester cùng màu răng cưa. Đầu khóa cùng màu có chốt hãm.</li> </ul>	

#### 1.2.4.21. Áo phong nam/nữ ngắn tay (hàng hóa có STT 31,32 thuộc phạm vi cung cấp)

##### 1.2.4.21.1. Tiêu chuẩn vải may

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
<b>I</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết vải may màu cam</b>				

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
1	Thành phần nguyên liệu				ISO/TR11827:2012 , TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009, TCVN 5465-11:2009, TCVN 5465-12:2009
1.1	Polyeste	%	63	±3	
1.2	Bông	%	34	±3	
1.3	Spandex	%	3	±2	
2	Kiểu dệt		Lacoste		ISO 8388:1998
3	Khối lượng vải (g/m2)	g/m2	265	±5	TCVN 8042:2009
4	Mật độ				
4.1	Hàng vòng/10cm		370	±3	TCVN 5794:1994
4.2	Cột vòng/10cm		140	±3	TCVN 5794:1994
5	Độ bền kéo đứt				
5.1	Hàng vòng	N	425	≥	TCVN 5795:1994
5.2	Cột vòng	N	293	≥	TCVN 5795:1994
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 °C				
6.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2	Dây màu				
6.2.1	Diaxetat	Cấp	3	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2.2	Bông	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2.3	Polyamit	Cấp	3-4	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2.4	Polyeste	Cấp	4	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2.5	Acrylic	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2.6	Len	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
7	Độ bền màu mồ hôi, axit				
7.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2010
7.2	Dây màu				
7.2.1	Diaxetat	Cấp	4	≥	TCVN 7835-E04:2010
7.2.2	Bông	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2010
7.2.3	Polyamit	Cấp	3-4	≥	TCVN 7835-E04:2010
7.2.4	Polyeste	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2010

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
7.2.5	Acrylic	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
7.2.6	Len	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8	Độ bền màu mồ hôi, kiềm				
8.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2	Dây màu				
8.2.1	Diaxetat	Cấp	4	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2.2	Bông	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2.3	Polyamit	Cấp	3-4	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2.4	Polyeste	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2.5	Acrylic	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2.6	Len	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
9	Độ bền màu ma sát				
9.1	Khô				
9.1.1	Dọc	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 4538:2007
9.1.2	Ngang	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 4538:2007
9.2	Ướt				
9.2.1	Dọc	Cấp	3-4	$\geq$	TCVN 4538:2007
9.2.2	Ngang	Cấp	3-4	$\geq$	TCVN 4538:2007
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 <sup>0</sup> C và làm khô				
10.1	Dọc	%	-1,5	$\pm 1$	TCVN 8041:2009
10.2	Ngang	%	-1,0	$\pm 1$	TCVN 8041:2009
11	Độ bền màu ánh sáng đèn thủy ngân sau 72 giờ	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 5823:1994
12	Hàm lượng Formaldehyt	Mg/kg	k.p.h	/	TCVN 7421-1:2013
<b>II</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật chi tiết vải may màu xanh</b>				
1	Thành phần nguyên liệu				ISO/TR11827:2012 , TCVN 5465-1:2009, TCVN 5465-2:2009,
1.1	Polyeste	%	64	$\pm 3$	
1.2	Bông	%	33	$\pm 3$	

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
1.3	Spandex	%	3	±2	TCVN 5465-11:2009, TCVN 5465-12:2009
2	Kiểu dệt		Lacoste		ISO 8388:1998
3	Khối lượng vải (g/m <sup>2</sup> )	g/m <sup>2</sup>	280	±5	TCVN 8042:2009
4	Mật độ				
4.1	Hàng vòng/10cm		385	±3	TCVN 5794:1994
4.2	Cột vòng/10cm		140	±3	TCVN 5794:1994
5	Độ bền kéo đứt				
5.1	Hàng vòng	N	471	≥	TCVN 5795:1994
5.2	Cột vòng	N	352	≥	TCVN 5795:1994
6	Độ bền màu giặt A(1); 40 °C				
6.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2	Dây màu				
6.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2.2	Bông	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2.3	Polyamit	Cấp	4	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2.4	Polyeste	Cấp	4	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2.5	Acrylic	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
6.2.6	Len	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-C10:2007
7	Độ bền màu mồ hôi, axit				
7.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2010
7.2	Dây màu				
7.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2010
7.2.2	Bông	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2010
7.2.3	Polyamit	Cấp	3-4	≥	TCVN 7835-E04:2010
7.2.4	Polyeste	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2010
7.2.5	Acrylic	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2010
7.2.6	Len	Cấp	4-5	≥	TCVN 7835-E04:2010

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Yêu cầu	Dung sai	Phương pháp thử
8	Độ bền màu mồ hôi, kiềm				
8.1	Thay đổi màu	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2	Dây màu				
8.2.1	Diaxetat	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2.2	Bông	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2.3	Polyamit	Cấp	3-4	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2.4	Polyeste	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2.5	Acrylic	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
8.2.6	Len	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 7835-E04:2010
9	Độ bền màu ma sát				
9.1	Khô				
9.1.1	Dọc	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 4538:2007
9.1.2	Ngang	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 4538:2007
9.2	Ướt				
9.2.1	Dọc	Cấp	3-4	$\geq$	TCVN 4538:2007
9.2.2	Ngang	Cấp	3-4	$\geq$	TCVN 4538:2007
10	Thay đổi kích thước sau giặt 40 <sup>0</sup> C và làm khô				
10.1	Dọc	%	-1,5	$\pm 1$	TCVN 8041:2009
10.2	Ngang	%	-1,0	$\pm 1$	TCVN 8041:2009
11	Độ bền màu ánh sáng đèn thủy ngân sau 72 giờ	Cấp	4-5	$\geq$	TCVN 5823:1994
12	Hàm lượng Formaldehyt	Mg/kg	k.p.h	/	TCVN 7421-1:2013

#### 1.2.4.21.2. Yêu cầu về quy cách, kỹ thuật may

TT	Mô tả	Nhà thầu đáp ứng
1	Nhà may	Nhà thầu ghi rõ
2	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
3	Mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
4	Lấy số đo	Đơn vị may lấy số đo
5	Màu sắc	
6	Kiểu dáng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo phông dệt cá sấu (Lacoste) màu Cam cộc tay. Logo tên Công ty tại ngực trái.</li> <li>- Áo phông dệt cá sấu (Lacoste) màu Xanh cộc tay. Logo tên Công ty tại ngực trái.</li> </ul>

TT	Mô tả	Nhà thầu đáp ứng
6.1		Nẹp khuy trước áo màu cam, khuy nhựa. (Nẹp có 2 khuy).
6.2		Đường may chỉ chắc chắn, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật $1\text{cm} \geq 4$ mũi chỉ.

#### 1.2.4.22. Cà vạt (hàng hóa có STT 33 thuộc phạm vi cung cấp)

TT	Nội dung mô tả	Yêu cầu kỹ thuật
6	Nhà sản xuất /Nước sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
7	Năm sản xuất	Nhà thầu ghi rõ
8	Ký mã hiệu	Nhà thầu ghi rõ
9	Yêu cầu kỹ thuật	- Chất liệu: Lụa tổng hợp - Kích thước: 6cm - Màu sắc: Xanh - Hoa tiết: Trơn
10	Hình ảnh minh họa	

### 1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải gửi kèm bản gốc hồ sơ dự thầu để bên mời thầu kiểm tra đối chiếu.
- Phương thức giao hàng: Hàng hóa được giao trực tiếp tại kho của bên mua.

#### Mục 2. Bản vẽ

#### Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Nhà thầu phải có bản cam kết kiểm tra thử nghiệm (*Nhà thầu nộp cùng E-HSDT bản scan cam kết được ký trực tiếp, đóng dấu xác nhận bởi đại diện hợp pháp của nhà thầu và gửi bản chính khi đối chiếu E-HSDT*) các nội dung sau:

- Trong trường hợp bên mời thầu phát hiện Biên bản thử nghiệm mẫu vải và vải đối chứng do nhà thầu cung cấp không phù hợp thì nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các tài liệu chứng minh tính đáp ứng của chủng loại vải do nhà thầu đề xuất.
- Bên mời thầu có quyền chỉ định một đơn vị thử nghiệm độc lập để thử nghiệm lại mẫu vải đối chứng do nhà thầu cung cấp.
- Trường hợp kết quả thử nghiệm của đơn vị thử nghiệm độc lập cho thấy mẫu vải đối chứng không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định trong E-HSMT thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và sẽ bị loại.
- Trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu cố tình gian lận trong Biên bản thử nghiệm mẫu vải thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu.
- Toàn bộ hàng hóa nhà thầu cung cấp cho gói thầu, trường hợp thấy cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu lấy mẫu bất kỳ và cùng với Nhà thầu đi thử

nghiệm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hàng hóa do Nhà thầu cung cấp sẽ không được chấp nhận nghiệm thu nếu kết quả thử nghiệm không đạt yêu cầu và Nhà thầu phải chi trả các chi phí cho việc thử nghiệm này.